

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN**  
**NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Mã chứng khoán: PAP

Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513 685588/ 19005168

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Hoàng

Chức vụ: Trưởng phòng TCHC/ Thư ký HĐQT/ Người ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: Bất thường (24h)

Nội dung thông tin công bố: Ngày 27/01/2026 Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Nghị quyết số 12/NQ - PAP về việc Phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào cùng ngày tại đường dẫn <https://phuocanport.com>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ**  
**ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**  
**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Văn Hoàng

**NGHỊ QUYẾT**

V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phước An tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0150166173 do Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/09/2025;

Căn cứ hồ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An do Liên danh Hoàng Minh Vi Na và Ngân Hải; Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng FANSIPAN; Công ty TNHH xử lý chất thải công nghiệp và tư vấn môi trường Văn Lang lập tháng 10 năm 2025;

Căn cứ báo cáo số 10.2025/BCTT ngày 09/10/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh về việc Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An, tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ báo cáo số 04/TVTT-LHP-2025 ngày 09/10/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng LHP Việt Nam về việc Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế cơ



sở Nhà máy xử lý nước thải thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An, tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ quyết định số 104/QĐ-BNNMT ngày 12/01/2026 của Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An”;

Căn cứ văn bản số 1867/KCNKKT-QHXX ngày 06/11/2025 của Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp Phước An, tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-PAP ngày 25/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông về Phê duyệt chủ trương điều chỉnh Dự án Cảng Phước An và khu Dịch vụ hậu cần Cảng (logistic);

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-PAP ngày 27/06/2025 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ - PAP ngày 29/09/2025 của Hội đồng Quản trị về Thông qua Chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ nghị quyết số 104/NQ-PAP ngày 28/11/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An về việc phê duyệt đầu tư xây dựng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ hồ sơ Thiết kế kỹ thuật PCCC cho Trạm xử lý nước thải và Nhà văn phòng Khu công nghiệp thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An do Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật cơ điện Tân Thịnh Phát lập tháng 11 năm 2025;

Căn cứ hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng khu công nghiệp Phước An thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An do Liên danh Hoàng Minh Vi Na và Ngân Hải lập tháng 12 năm 2025;

Căn cứ hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công Nhà máy Xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phước An thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An do Công ty TNHH xử lý chất thải công nghiệp và tư vấn môi trường Văn Lang lập tháng 12 năm 2025;

Căn cứ hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công Nhà văn phòng Khu công nghiệp Phước An thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng FANSIPAN lập tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Báo cáo số 01/TT ngày 12/01/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công Hạ tầng Khu công nghiệp Phước An thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 13/2026/BCATGT-TP ngày 12/01/2026 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Tiến Phát về việc Báo cáo kết quả thẩm tra An toàn giao thông Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công



ngiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 06/TVTT-LHP-2025 ngày 25/12/2025 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng LHP Việt Nam về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công Nhà máy Xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phước An thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 11/TT ngày 25/12/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công Nhà văn phòng Khu công nghiệp thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 01/2025/BCTT ngày 27/12/2025 của Công ty Cổ phần PCCC Phương Nam về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế thi công PCCC công trình thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 01/BCTD ngày 12/01/2026 của Công ty TNHH Giao thông và xây dựng Tiến Lượng về việc Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công Hạ tầng thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Báo cáo số 68/2025/BCTĐ-TL ngày 28/12/2025 của Công ty TNHH Giao thông và xây dựng Tiến Lượng về việc Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công Nhà máy Xử lý nước thải tập trung và Nhà văn phòng thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An.

Căn cứ Tờ trình số 110/TTr – PAP ngày 22/01/2026 của Tổng Giám đốc Công ty về phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT số 11/BB - PAP ngày 27/01/2026.

## **QUYẾT NGHỊ**

### **Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua:**

1. Phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An, cụ thể:

#### **I. Thông tin dự án**

1). Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An.

2). Loại, cấp công trình chính: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

3). Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An.

4). Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An.

- Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251 3685588; 19005168.

- 5). Địa điểm xây dựng: xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.
- 6). Giá trị dự toán xây dựng công trình: 3.555.655.989.086 đồng.
- 7). Nhà thầu khảo sát xây dựng: Liên danh Hoàng Minh Vi Na và Ngân Hải.
- 8). Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
- Liên danh Hoàng Minh Vi Na và Ngân Hải.
  - Nhà thầu Thiết kế trạm xử lý nước thải là Công ty TNHH xử lý chất thải công nghiệp và tư vấn môi trường Văn Lang.
  - Nhà thầu thiết kế nhà điều hành là Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng FANSIPAN.
  - Nhà thầu thiết kế PCCC là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật cơ điện Tân Thịnh Phát.
- 9). Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
- Nhà thầu Thẩm tra hạ tầng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh.
  - Nhà thầu Thẩm tra An toàn giao thông: Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Tiến Phát.
  - Nhà thầu Thẩm tra Nhà máy Xử lý nước thải tập trung: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng LHP Việt Nam.
  - Nhà thầu Thẩm tra Nhà văn phòng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh.
  - Nhà thầu Thẩm tra PCCC công trình: Công ty Cổ phần PCCC Phương Nam.
- 10). Nhà thầu thẩm định thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Giao thông và xây dựng Tiến Lượng.
- 11). Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 50 năm.
- 12). Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Căn cứ Quyết định số 1350/PAP-QLDA ngày 01/10/2025 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An.

## **II. Nội dung thiết kế**

### **1). Quy mô xây dựng**

- |   |                  |
|---|------------------|
| - Tổng diện tích dự án: 3.300.000 m <sup>2</sup> ,            | tỷ lệ: 100,00 %. |
| - Diện tích đất khu dịch vụ: 87.700 m <sup>2</sup> ,          | tỷ lệ: 2,66 %.   |
| - Diện tích đất nhà máy, kho tàng: 2.450.200 m <sup>2</sup> , | tỷ lệ: 74,25 %.  |
| - Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 37.500 m <sup>2</sup> ,     | tỷ lệ: 1,14 %.   |
| - Diện tích đất giao thông: 349.400 m <sup>2</sup> ,          | tỷ lệ: 10,59 %.  |
| - Diện tích đất cây xanh: 375.200 m <sup>2</sup> ,            | tỷ lệ: 11,36 %.  |



## 2). Giải pháp kết cấu

### 2.1. Hạng mục san nền

- Khu công trình cao độ thiết kế san nền đến cao trình + 2,30m với hệ số đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

- Taluy san lấp giáp sông Thị Vải bố trí giạt cấp và đóng cừ dừa D20-30cm dài 8m (3 cây/m).

### 2.2. Hạng mục giao thông

#### 2.2.1. Thông số kỹ thuật

- Loại công trình: Công trình giao thông; Cấp công trình: cấp III;

- Tốc độ thiết kế: 40km/h.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa dày 12cm (02 lớp); cấp phối đá dăm dày 35cm (02 lớp); đá mi dày 50cm; nền cát lu lèn chặt  $K=0,95$ .

- Kết cấu vỉa hè: 02m lát gạch Terrazo; lớp Vữa Xi măng M75 dày 02cm; lớp bê tông đá 10 x 20, mác 150, dày 07cm; lớp đất nền lu lèn chặt  $K=0,95$ . Diện tích còn lại trồng cỏ.

- Kết cấu bó vỉa: Bê tông đá 1x2, M250; bê tông lót đá 1x2, M150, dày 10cm; chiều cao bó vỉa: 22cm - 30cm.

- Gờ chặn vỉa hè: Bê tông đá 1x2, M250; bê tông lót đá 1x2, M150, dày 6cm.

- Bó vỉa dải phân cách: Bê tông đá 1x2, M250; bê tông lót đá 1x2, M150, dày 6cm; chiều cao bó vỉa dải phân cách: 68cm.

#### 2.2.2. Quy mô đường giao thông

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Vỉa hè (m)	Mặt đường (m)	Phân cách giữa (m)	Lộ giới (m)
1	Đường N1	2.090,06	2 x 5,00m	2 x 10,50m	3,00m	34,00m
2	Đường N2	1.034,68	2 x 5,00m	2 x 12,00m	-	34,00m
3	Đường N3	2.176,79	2 x 6,00m	2 x 7,50m	-	27,00m
4	Đường N4	972,09	2 x 6,00m	2 x 7,50m	-	27,00m
5	Đường D1	480,00	1 x 6,00m	2 x 7,50m	-	21,00m
6	Đường D2	1.538,89	2 x 6,00m	2 x 7,50m	-	27,00m
7	Đường D3	843,06	2 x 6,00m	2 x 7,50m	-	27,00m
8	Đường D4	946,64	2 x 5,00m	2 x 10,50m	3,00m	34,00m
9	Đường D5	627,93	2 x 6,00m	2 x 7,50m	-	27,00m
10	Đường D6	457,17	1 x 6,00m	2 x 7,50m	-	21,00m

### 2.3. Hạng mục cấp nước

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp III;
- Cấp nước sinh hoạt: Tuyến ống chính cấp nước HDPE D560 mm từ nguồn nhà máy nước Hồ Cầu Mới được đầu nối với các tuyến ống HDPE OD450, OD315, OD225 và OD160 dẫn về dự án. Với 2 vị trí đầu nối sẽ lắp đặt mới 3 cụm đồng hồ điện từ áp lực đường ống từ (2.5 – 3.0)kg/cm<sup>2</sup>.
  - + Trên tuyến bố trí các thiết bị van khóa để vận hành quản lý.
  - + Ống đặt sâu trung bình (0,7)m tính từ mặt vỉa hè hoàn thiện đến đỉnh ống.
- Ống cấp nước chữa cháy OD315 chạy dọc theo tuyến kết nối vào trạm bơm PCCC đặt tại trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Phước An
  - + Trụ cứu hỏa được bố trí trên tuyến ống cấp nước chữa cháy OD315 với khoảng cách <150m/trụ, theo quy định Luật Phòng cháy.

### 2.4. Hạng mục thoát nước mưa

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp II;
- Công:
  - + Công tròn BTCT dùng loại ly tâm đúc sẵn hoặc rung ép hoặc tương đương. Đường kính D600-D2000mm, độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .
  - + Công hộp BTCT dùng loại rung ép hoặc tương đương.
  - + Công có lớp vật liệu đắp trên lưng công tối thiểu 0,3m.
  - + Mỗi nối công: Trát vữa xi măng M100 bên trong và bên ngoài công kết hợp với gioăng cao su, các mối nối được quấn vải địa kỹ thuật bề rộng 1m.
- Kết cấu mương hình thang: Mương đá hộc, mái taluy. Bố trí thang lên xuống mương kết cấu bê tông đá 1x2 M250, khoảng cách bố trí thang là 100m.
- Kết cấu hồ thu nước mặt đường:
  - + Sử dụng BTCT đá 1x2, M250.
  - + Lớp lót đáy hồ thu đá 1x2, M150, dày 10cm.
  - + Song chắn rác bằng thép mạ kẽm, tải trọng  $\geq 25T$ .
- Kết cấu hố ga:
  - + Sử dụng BTCT đá 1x2, M250.
  - + Lớp lót đáy hố ga đá 1x2, M150, dày 10cm.
  - + Đối với hố ga vỉa hè, nền hố ga được gia cố bằng cừ tràm có đường kính gốc 8÷10cm, đường kính ngọn >4,2cm, chiều dài 4,0m và mật độ 20 cây/m<sup>2</sup>, đảm bảo cường độ đất nền theo yêu cầu thiết kế.
  - + Nắp đan hố ga bằng BTCT 1x2 M250.
- Kết cấu cửa xả:
  - + Sử dụng BTCT đá 1x2, M250.
  - + Lớp lót bê tông đá 1x2, M150, dày 10 cm.
  - + Lớp cát lót dầu cừ dày 10 cm.



+ Nền cửa xả được gia cố bằng cừ tràm, đảm bảo cường độ đất nền theo yêu cầu thiết kế.

## **2.5. Hạng mục thoát nước thải**

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp II;

- Tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống HDPE với đường kính OD400, OD500, OD630, và OD800.

+ Chiều sâu chôn ống HDPE phụ thuộc vào vị trí đặt ống; ống dưới hè cần chôn tối thiểu 500mm, dưới đường cần tối thiểu 700mm, tính từ mặt đường đến lớp ống trên cùng.

+ Móng cống, móng hố ga, gia cố cừ tràm.

+ Kết cấu hố ga BTCT:

- Nắp hố ga BTCT đá 1x2, M250, dày 10cm;
- Thành và đáy hố ga BTCT đá 1x2, M250;
- Lớp lót đáy hố ga đá 1x2, M150, dày 10cm.

## **2.6. Hạng mục cấp điện**

- Loại công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp III;

- Lưới điện 22kV:

+ Tuyến trung thế từ điểm đầu nối hiện hữu số 178/26A/10 tại đầu dự án (nút giao cầu vượt Cao tốc Bến Lức – Long Thành).

+ Các tuyến trung thế nổi sẽ được bố trí trên vỉa hè công cộng dọc theo các tuyến trục giao thông để dẫn đến các nhà máy.

+ Tiết diện dây dẫn của các tuyến đường dây trong dự án được chọn thỏa mãn điều kiện chênh lệch điện áp tối đa Uđm là + 5% và đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho phụ tải khu.

+ Lưới 22kV có dạng mạch phân phối hình tia, đảm bảo vận hành linh hoạt và đơn giản trong bảo trì và sửa chữa sau này.

+ Tại đầu mỗi nhánh tuyến, lắp đặt các cầu dao cách ly DS 1P-630A + Recloser 3P-630A 24kV hoặc FCO 24kV 200A + LBS 3P-630A 24KV để đóng cắt và bảo vệ nhánh rẽ.

+ Bảo vệ đường dây cáp ngầm: Tại vị trí đầu từ cáp nổi đến cáp ngầm sử dụng bộ LA 18kV-10kA để bảo vệ quá điện áp cho cáp ngầm.

+ Tuyến trung thế 3 pha, cáp ngầm XDM, có tiết diện đảm bảo công suất cấp điện cho toàn khu cũng như có dự phòng khi phụ tải tăng lên.

+ Tiết diện dây dẫn của các tuyến đường dây trong dự án được chọn thỏa mãn điều kiện chênh lệch điện áp tối đa Uđm là + 5% và đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho phụ tải.

+ Đối với đường dây trung thế băng đường, sử dụng cáp ngầm 24kV CXV/DSTA-3x240 mm<sup>2</sup> + 0,6kV CV-200 mm<sup>2</sup> và được bảo vệ trong ống HDPE chôn ngầm trong đất.



## **2.7. Hạng mục chiếu sáng**

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp IV;
- Với tuyến đường có bề rộng 15m, bố trí chiếu sáng so le.
- Với tuyến đường chính có bề rộng đường 24m, bố trí chiếu sáng 2 bên đối xứng.
- Với tuyến đường chính cảnh quan có dải phân cách giữa và bề rộng đường 24m, bố trí chiếu sáng trên dải phân cách.
- Sử dụng đèn sắt trắng kèm gắn trên trụ STK và lưới chiếu sáng ngầm.
- Chóa đèn hướng về phía đường.
- Trụ đèn bố trí cách mép bó vỉa 0,25 đến 0,65m.
- Khoảng cách hai đèn trên trụ STK trung bình 30m đến 60m.
- Tuyến chiếu sáng KCN được đi ngầm, sử dụng trụ STK cao 10m và đèn STK đơn, đôi, ba cao 2m, vươn xa 1,5m. Đèn treo ở độ cao 12m so với nền đường.
- Sử dụng đèn LED cao áp, ánh sáng vàng, công suất 120W/220V (đối với các tuyến đường bố trí đèn 02 bên đối xứng và trên dải phân cách) và 150W/220V (đối với các tuyến đường bố trí đèn so le) chiếu sáng cho đường.

## **2.8. Hạng mục trạm xử lý nước thải**

- **Loại công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp III;
- **Cụm bể xử lý chính - module 01**
  - + Diện tích xây dựng tầng 1: 1.722,69 m<sup>2</sup>.
  - + Tổng diện tích sàn: 1.722,69 m<sup>2</sup>.
  - + Chiều cao công trình: + 11,25 m; số tầng: 01.
  - + Cốt nền công trình: - 1,50 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
  - + Kết cấu: Bê tông cốt thép liền khối.
- **Cụm bể xử lý chính - module 02**
  - + Diện tích xây dựng tầng 1: 844,25 m<sup>2</sup>.
  - + Tổng diện tích sàn: 844,25 m<sup>2</sup>.
  - + Chiều cao công trình: + 11,65 m; số tầng: 01.
  - + Cốt nền công trình: - 1,50 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
  - + Kết cấu: Bê tông cốt thép liền khối.
- **Nhà điều hành.**
  - + Diện tích xây dựng tầng 1: 69,48 m<sup>2</sup>.
  - + Tổng diện tích sàn: 69,48 m<sup>2</sup>.
  - + Chiều cao công trình: + 6,38 m; số tầng: 01.
  - + Cốt nền công trình: + 0,40 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
  - + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Cụm nhà chức năng 1:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 266,73 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 533,46 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 11,10 m; số tầng: 02.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm sàn: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Cụm nhà chức năng 2:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 164,45 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 328,90 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 11,10 m; số tầng: 02.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm sàn: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Nhà đặt máy phát điện:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 44,80 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 44,80 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 5,75 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Nhà bảo vệ:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 11,56 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 11,56 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,70 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Nhà kho – bảo trì:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 28,86 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 28,86 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,70 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Nhà quan trắc:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 11,56 m<sup>2</sup>.



- + Tổng diện tích sàn: 11,56 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,70 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

**- Nhà xe:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 40,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 40,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,80 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền: Bê tông cốt thép; khung thép; mái lợp tôn.

**2.9. Hạng mục hạ tầng kỹ thuật**

- Mương quan trắc: Diện tích xây dựng: 16,56 m<sup>2</sup>.
- Bể thu gom và sân phơi cát: Diện tích xây dựng: 63,00 m<sup>2</sup>.
- Hồ sự cố: Diện tích xây dựng: 1.488,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà đặt tủ điện, máy thổi khí cho module 1 đặt trên sàn thao tác cụm bể xử lý chính module 1: Diện tích xây dựng 75,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà đặt tủ điện, máy thổi khí cho module 2 đặt trên sàn thao tác cụm bể xử lý chính module 2: Diện tích xây dựng 52,36 m<sup>2</sup>.
- Hệ thống sân đường nội bộ, hồ ga thu nước, cống hàng rào, hệ thống điện, hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

**2.10. Hạng mục Nhà văn phòng Khu công nghiệp**

- **Loại công trình:** Công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp III;
- **Nhà điều hành:**
  - + Diện tích xây dựng tầng 1: 945,00 m<sup>2</sup>.
  - + Tổng diện tích sàn: 1.890,00 m<sup>2</sup>.
  - + Chiều cao công trình: + 14,11 m; số tầng: 02.
  - + Cốt nền công trình: + 1,00 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
  - + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm sàn: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp ngói.

**- Nhà căn tin:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 243,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 243,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 5,94 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,55 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp ngói.

**- Nhà phụ trợ:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 162,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 162,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,95 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình : + 0,60 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp ngói.

**- Nhà bảo vệ:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 24,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn: 24,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình: + 3,20 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền công trình: + 0,20 m (so cốt mặt đất đặt công trình).
- + Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, dầm: Bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái: Bê tông cốt thép.

**III. Tổng dự toán**

Stt	Nội dung chi phí	Giá trị dự toán (VNĐ)
1	Chi phí xây dựng	3.150.914.369.172
3	Chi phí thiết bị	40.239.452.289
4	Chi phí Quản lý dự án	25.816.434.415
5	Chi phí Tư vấn Đầu tư xây dựng	21.637.550.900
6	Chi phí khác	43.908.710.535
7	Chi phí dự phòng	273.139.471.775
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.555.655.989.086</b>
<i>Bảng chữ: Ba nghìn, năm trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng.</i>		

**2. Hội đồng quản trị thống nhất Giao Tổng Giám đốc xem xét, quyết định:**

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, Tổng giám đốc quyết định/ phê duyệt điều chỉnh bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công, Dự toán (nếu có) cho phù hợp tình hình thực tế, báo cáo Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất;

- Quyết định các thủ tục liên quan đến Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh Kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư và hiệu quả đầu tư Dự án.



**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban chức năng công ty, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Trường BKS PAP;
- Lưu VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Đạt**

